UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 556 /QĐ-UBND	*Bảo Yên, ngày 14 tháng 03 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2014/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Văn bản số 3574/SGTVTXD-QHKT ngày 24/9/2021 của Sở Giao thông Vận tải – Xây dựng tỉnh Lào Cai về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về việc tổ chức lập , thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND huyện Bảo Yên về việc giao danh mục quy hoạch chi tiết trung tâm xã năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND huyện Bảo Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên;

- Quyết định số 6945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Bảo Yên về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây

dựng trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Thông báo thẩm định số 11/TBTĐ-KTHT ngày 10 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên với những nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch: Khu quy hoạch thuộc xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

- Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp bản Phia 2, xã Lương Sơn.

+ Phía Đông giáp bản Chiềng 2, xã Lương Sơn.

+ Phía Nam giáp bản Chiềng 2 và bản Pịt, xã Lương Sơn.

+ Phía Tây giáp bản Pịt và bản Phia 2, xã Lương Sơn.

2. Quy mô lập quy hoạch:

- Tổng diện tích lập Quy hoạch: 43 ha

- Dân số: Được xác định khoảng 1.200 người.

3. Tính chất

Hình thành một trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế văn hoá xã hội của xã Lương Sơn đáp ứng nhu cầu thúc đẩy phát triển của xã cũng như các khu vực lân cận, với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng được các yêu cầu tiêu trí phục vụ.

4. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hoá các khu chức năng trong tổng thể quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn toàn xã Lương Sơn.

- Quy hoạch chi tiết được hình thành sẽ bố trí, sắp xếp phân khu chức năng theo một hệ thống. Ổn định đời sống dân cư, cải tạo cảnh quan môi trường khu vực, tăng vẻ đẹp cho khu vực trung tâm xã. Đồng thời ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, là cơ sở cho việc quản lý được đồng bộ.

- Quy hoạch xây dựng đảm bảo thuận tiện về hệ thống giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các tiêu chí đề ra, đồng thời cũng đảm bảo được trật tự an ninh, an toàn hoạt động cho khu vực.

- Quy hoạch xây dựng phù hợp với địa hình, tạo nên sự hài hoà giữa con người và không gian khu vực quy hoạch với cảnh quan thiên nhiên.

- Quy hoạch xây dựng phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh, cũng như của huyện, đồng thời đáp ứng được nhu cầu cho người dân.

- Xây dựng phương án hình thành các phân khu chức năng rõ ràng, các

quỹ đất ổn định để sắp xếp bố trí các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng.

- Phù hợp với điều kiện phát triển về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trong khu vực.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất trung tâm xã Lương Sơn được xác định cụ thể như sau:

- Đất công cộng: Với tổng diện tích là 49.216,5m2; Bao gồm các loại đất cụ thể như sau:

+ Đất Trụ sở hành chính xã: Gồm 01 lô đất kí hiệu TSC với diện tích 6.458,9m2; Mục đích xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND của xã Lương Sơn; Mật độ xây dựng tối đa là 40%, chiều cao tối đa 15,5m (tối đa 04 tầng).

+ Đất Nhà văn hóa trung tâm xã: Gồm 01 lô đất kí hiệu DVH, với diện tích 862,4m2; Mục đích xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã, hội trường đa năng cho trung tâm xã Lương Sơn; Mật độ xây dựng tối đa là 60%; Chiều cao tối đa 12,5m (tối đa 03 tầng).

+ Đất Trạm y tế xã: Gồm 01 lô đất ký hiệu DYT, với diện tích 1.479m2; Mục đích xây dựng trạm y tế xã; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa là 12,5m (tối đa 03 tầng).

+ Đất giáo dục: Gồm 03 lô đất kí hiệu DGD1, DGD2 và DGD3; Tổng diện tích 25.312,1m2; Trong đó đất trường mầm non (DGD1) là 5.830,6m2, đất trường tiểu học (DGD2) là 10.400m2, đất trường trung học cơ sở (DGD3) là 9.081,5m2; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa 9m đối với trường mầm non (tối đa 02 tầng); 12,5m (tối đa 3 tầng) với trường tiểu học và 12,5m đối với trường THCS (tối đa 03 tầng).

+ Đất chợ trung tâm xã: Gồm 01 lô đất kí hiệu DCH, với diện tích 6.618,60m2; Mục đích xây dựng công trình chợ phục vụ cho nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân trong xã và các khu vực lân cận; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa 12,5m (tối đa 03 tầng).

+ Đất Điểm sinh hoạt văn hóa thôn: Gồm 01 lô đất kí hiệu DSH, với diện tích 330m2. Mục đích xây dựng nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa 9m (tối đa 02 tầng).

+ Đất cây xanh cảnh quan: Gồm 01 lô đất ký hiệu CX, diện tích 1.861,6m2; Mục đích xây dựng tiểu công viên cây xanh phục vụ khu vực trung tâm xã.

+ Đất thể dục thể thao: Gồm 01 lô đất ký hiệu DTT, với diện tích 4.068,6m2; Mục đích xây dựng sân thể thao trung tâm phục vụ các hoạt động cộng đồng cho trung tâm xã Lương Sơn.

+ Đất bưu điện: Gồm 01 lô đất kí hiệu DBD, với diện tích 150m2. Mục đích xây dựng điểm bưu điện xã; Mật độ xây dựng tối đa là 90%; Chiều cao tối đa 12,5m (tối đa 03 tầng).

+ Đất bãi đỗ xe: Gồm 01 lô đất ký hiệu BDX, diện tích 1.275,3m2; Mục đích xây dựng bãi đỗ xe phục vụ khu vực trung tâm xã.

+ Đất ga rác: Gồm 01 lô đất ký hiệu DRA1, diện tích 400m2; Mục đích xây dựng phục vụ xây dựng ga rác khu vực trung tâm xã.

- Đất ở nông thôn: Tổng diện tích là 81.037,25m2; Bao gồm ”đất ở hiện trạng” và ”đất ở nông thôn mới”; cụ thể như sau:

+ Đất ở hiện trạng: Gồm 15 lô đất kí hiệu từ OHT1÷OHT15; Tổng diện tích 20.260,7m2; là các khu dân cư ở hiện trạng, ổn định. Khi triển khai xây dựng các công trình mới cần tuân thủ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật theo quy hoạch được phê duyệt; Mật độ xây dựng tối đa 80%. Chiều cao tối đa 12,5m (tối đa 03 tầng).

+ Đất ở nông thôn mới: Gồm 19 lô đất kí hiệu từ ONT1÷ONT19; Tổng diện tích 60.776,55m2; Mục đích sắp xếp nhà ở dân cư mới. Tổng số 241 lô. Mật độ xây dựng tối đa 80%. Chiều cao tối đa 12,5 (tối đa 03 tầng).

- Đất dự trữ phát triển: Gồm 01lô đất ký hiệu lô đất DTPT; Tổng diện tích là 750m2. Mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao tối đa 15,5m (tối đa 04 tầng).

là khu vực dự trữ để mở rộng trụ sở hành chính xã, các công trình công cộng của xã.

- Đất nông nghiệp: Gồm 09 lô đất ký hiệu từ LUA1-:-LUA9; Tổng diện tích là 80.670,75m2 là khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng lúa nước) hiện hữu của nhân dân khu vực.

- Đất lâm nghiệp: Gồm 07 lô đất ký hiệu từ RSX1-:-RSX7; Tổng diện tích 118.623,05m2; Đây là khu vực trồng rừng sản xuất hiện hữu và định hướng phát triển trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp.

- Mặt nước: Tổng diện tích 22.112,5m2; Là các suối, khe nước hiện trạng.

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật và đất khác: Tổng diện tích là 77.589,95m2; là đất đường giao thông, trạm biến áp, kè suối, ta luy...

Bảng thống kê sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Mật độ XD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (m)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (thửa)
1	**Đất công trình công cộng**		**49.216,5**			**11,45**	
1.1	Đất Trụ sở hành chính xã	TSC	6.458,9	40	12,5	1,50	
1.2	Đất Nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	862,4	60	12,5	0,20	
1.3	Đất Trạm y tế xã	DYT	1.479,0	40	12,5	0,34	
1.4	Đất Giáo dục		25.312,1			5,89	

	Đất trường mầm non	*DGD1*	*5.830,6*	*40*	*9*	*1,36*	
	Đất trường tiểu học	*DGD2*	*10.400,0*	*40*	*12,5*	*2,42*	
	Đất trường THCS	*DGD3*	*9.081,5*	*40*	*15,5*	*2,11*	
1.5	Đất dịch vụ	DCH	6.618,6	40	12,5	1,54	
1.6	Đất Điểm sinh hoạt văn hóa thôn	DSH	330,0	40	9	0,08	
1.7	Đất thể dục thể thao	DTT	4.068,6			0,95	
1.8	Đất bưu điện	DBD	150,0	90	12,5	0,03	
1.9	Đất cây xanh cảnh quan	CX	1.861,6			0,43	
1.10	Đất đỗ xe	BDX	1.275,3			0,30	
1.11	Đất ga rác	DRA	400,0			0,09	
2	**Đất ở nông thôn**		**81.037,25**			**18,85**	
4.1	Đất ở hiện trạng	OHT1-OHT15	20.260,7	80	12,5	4,71	
4.2	Đất ở nông thôn mới	ONT1-ONT19	60.776,55	80	*12,5*	14,13	241
3	**Đất dự trữ phát triển**	DTPT	**750,0**	40	12,5	**0,17**	
4	**Đất nông nghiệp (trồng lúa)**	LUA1-LUA9	**80.670,75**			**18,76**	
5	**Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất)**	RSX1-RSX7	**118.623,05**			**28,18**	
6	**Mặt nước**	NC	**22.112,5**			**5,14**	
7	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	GT	**77.589,95**			**17,45**	
	Tổng diện tích quy hoạch		**430.000,0**			**100,00**	

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Tạo được hình ảnh của khu trung tâm xã mang nét đặc trưng có mật độ trung bình với mạng lưới đường chính chạy xuyên suốt khu quy hoạch và các tuyến đường nhánh kết nối từ tuyến đường trục chính.

- Tổ chức sắp xếp lại các công trình hành chính, nhà văn hóa, trường học, điểm bưu điện, sân thể dục thể thao thành một cụm tập trung tại khu trung tâm; Đây cũng chính là các công trình điểm nhấn chính trong khu quy hoạch. Khu vực chợ được bố trí gần vị trí giáp tuyến đường Liên xã tạo sự thuận tiện cho việc giao thương trao đổi hàng hóa của bà con nhân dân trong xã và các khu vực lân cận.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan và bóng mát trên các tuyến đường chính.

- Các khu dân cư được bố trí dọc theo các tuyến đường và tại khu vực trung tâm, với hình thức nhà liên kế kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ lẻ và nhà ở nông thôn kết hợp sản xuất chăn nuôi hộ gia đình. Hình thái kiến trúc kết hợp hài hòa giữa nét hiện đại và truyền thống, phù hợp với văn hóa địa phương.

- Khai thác lợi thế địa hình tự nhiên tạo ra không gian mở, hướng nhìn đẹp. Các công trình công cộng và khu dân cư được bố trí bám dọc tuyến đường trục chính và tuyến đường ven sườn đồi có hướng nhìn thoáng, đẹp, tầm nhìn rộng.

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng

** Giao thông đối ngoại:*

- Đường Lương Sơn – Phúc Khánh (đường D1) là đường giao thông đối ngoại chính cho khu vực lập quy hoạch, đoạn trong khu vực quy hoạch có chiều dài 1.957m, chiều rộng mặt đường Bmặt = 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

** Giao thông đối đối nội:*

- Đường D2 có chiều dài 316,5m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Đường D3 có chiều dài 280,0m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Đường D4 có chiều dài 201,0m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Đường N1 có chiều dài 810,0m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Đường N2 có chiều dài 277,2m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Đường N3 có chiều dài 114,7m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Đường N4 có chiều dài 288,1m, chiều rộng mặt đường Bmặt= 6,0m; chiều rộng lề Blề= 2x3,0m.

- Kết cấu áo đường được lựa chọn là kết cấu áo đường mềm được thiết kế theo đúng quy trình kỹ thuật.

** Đánh giá chung:* Cần tính toán phương án tổ chức hệ thống giao thông phù hợp với định hướng phát triển, khai thác quỹ đất và kết nối thuận lợi với các khu vực xung quanh.

** Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:*

Chỉ giới xây dựng cho đất ở cách 1,5m so với chỉ giới đường đỏ. Chỉ giới xây dựng cho đất công cộng cách 5,0m so với chỉ giới đường đỏ.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

** San nền:*

- Các mặt bằng được định hướng san với cos trung bình như sau:

+ Đất trụ sở UB xã (TCS): +109m;

+ Đất nhà văn hóa trung tâm xã (DVH): +107m;

+ Đất thể dục thể thao (DTT): +107m;

+ Đất chợ trung tâm xã (DCH), san giật cấp: +106m;

- Các mặt bằng còn lại san cao hơn mặt đường phía trước từ 15cm - 1m để giảm khối lượng đào, dốc 0,5 - 1% ra phía đường phía trước đảm bảo thoát nước mặt bằng.

- Các khu vực đất ở hiện trạng đã có công trình xây dựng kiên cố và các khu vực có mặt bằng phù hợp với đường giao thông xung quanh, định hướng san nền giữ nguyên hiện trạng, không đào đắp.

- Khối lượng san nền: đào 273.735,50 m3; đắp: 83.417,50 m3.

(Bảng khối lượng san nền xem phụ lục đính kèm)* Thoát nước mặt:

- Hướng nước chảy tuân thủ theo độ dốc của đường giao thông đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy, hạn chế bị đọng cát, không bị ngập úng.

- Sử dụng rãnh hở hình thang trong phạm vi lề đường phía đất ở nông thôn và taluy dương các tuyến đường để thu nước mưa từ mặt bằng, mặt đường. Các đoạn cắt ngang đường sử dụng cống chịu lực qua đường. Khu vực chân taluy đào phía sau mặt bằng đất ở nông thôn mới bố trí rãnh hở thu nước chân taluy. Toàn bộ nước mưa được thoát về phía taluy âm và chảy về suối hiện trạng.

** Các công trình hạ tầng phụ trợ:*

Khu vực hai bên suối chính trong phạm vi quy hoạch, xây dựng kè gia cố (vật liệu bê tông hoặc đá hộc) nhằm đảm bảo an toàn mái taluy và chiều rộng thông thủy suối.

c. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước trung bình: 500m3/ng.đ

- Nguồn nước: Lấy nước từ tuyến ống nước sạch nguồn nước từ mạng nước của xã theo dự án 135 nguồn nước lấy từ bản Pịt + sử dụng giếng tự đào của người dân. Đường cấp chung theo trục đường giao thông liên xã.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Mạng lưới cấp nước phân phối được thiết kế mạng hỗn hợp (mạng vòng và mạng nhánh). Đường ống cấp nước phân phối lấy nước từ mạng lưới cấp nước cấp 1 qua các điểm đấu nối.

+ Mạng lưới cấp nước phân phối được tính toán theo phương pháp tính toán đương lượng đối với nhà ở, công trình công cộng.

+ Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống không nhỏ hơn 0,5m tính từ mặt đất (mặt đường) đến đỉnh ống.

+ Chọn vật liệu ống HDPE với đường kính ống >= 32mm.

+ Các điểm đấu nối ống phân phối với mạng truyền dẫn bên ngoài đều phải lắp đặt van khóa, đồng hồ đo lưu lượng thiết bị đo áp để vận hành và quản lý.

+ Hố van bố trí tại các điểm nút để thuận tiện cho công tác vận hành và quản lý mạng lưới đường ống.

+ Ống phân phối đặt dưới vỉa hè độ sâu đặt ống từ 0,8-1,0m tính từ đỉnh ống áp dụng vời tuyến ống phân phối và 0,3-0,5m áp dụng với tuyến ống dịch vụ. Các vị trí ống cấp nước đi dưới đường thì cần phải có biện pháp kết cấu thích hợp để bảo vệ đường ống.

- Phòng cháy chữa cháy: Tận dụng nguồn nước kênh suối chẩy dọc khu vực làm nguồn nước chữa cháy khi cần thiết.

d. Quy hoạch Cấp điện và thông tin liên lạc

- Nguồn điện: Nguồn cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây 35kV chạy qua khu vực quy hoạch.

- Trạm biến áp:

+ Trạm 1 có công suất: 75KVA 35/0,4V đã có.

+ Trạm 2 có công suất: 250KVA 35/0,4V xây mới.

- Lưới điện:

Lưới điện cao thế: Lưới cao áp 10KV; 35 KV: Sử dụng hệ thống điện trên trục đường chính tại khu vực thiết kế.

Lưới hạ áp 0,4KV:

Thiết kế mạng lưới hạ áp 0,4KV chạy dọc tuyến đường giao thông để cung cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt và công cộng của khu vực nghiên cứu. Các tuyến 0,4KV hiện có trong phạm vi nghiên cứu sẽ được điều chỉnh theo quy hoạch mới trên cơ sở các trạm 10/0,4KV hiện trạng và quy hoạch mới.

*** Lưu ý:** Công trình xây dựng phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, tuân thủ nghiêm ngặt nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 25/2/2014: Quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện. Các công trình gần đường dây cao thế có nguy cơ gây nguy hiểm trước khi xây dựng phải xin ý kiến của đơn vị vận hành, quản lý lưới điện.

- Chiếu sáng công cộng:

+ Xây dựng các tuyến đường dây chiếu sáng công cộng.

+ Lựa chọn loại bóng đèn Compact lắp trên cần đèn có công suất 50W để chiếu sáng phù hợp với đường nông thôn.

- Thông tin liên lạc: Xây dựng hệ thống thông tin, điện nhẹ phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực. Dự kiến công trình viễn thông sẽ tổ chức cho đơn vị cung cấp dịch vụ triển

khai và kinh doanh theo hợp đồng.

e. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

* Định hướng thoát nước thải:

- Nguồn nước thải sinh hoạt dân cư: Sử dụng chung với hệ thống rãnh kín thoát nước mặt dọc hai bên đường tại khu vực trung tâm xã, các khu vực có mật độ dân cư tập chung cao. Nước thải sinh hoạt cần phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn thông qua các bể phốt xử lý từng công trình sử dụng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung. Các khu vực dân cư thư thớt, không tập trung, nước thải sinh hoạt cần phải được xử lý thông qua hệ thống bể phốt, tận dụng các nguồn nước này phục vụ cho hoạt động sản xuất, tưới tiêu, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, trồng trọt.

- Cần phải xử lý, khuyến cáo người dân di dời hệ thống chuồng trại chăn nuôi không hợp vệ sinh xa nơi ở, và xa nguồn nước sinh hoạt. Có biện pháp thu gom và xử lý xử dùng triệt để nguồn nước thải trong chăn nuôi. Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại.

* Định hướng xử lý chất thải rắn:

- Quy hoạch 01 điểm ga rác thải để tập trung và phân loại trước khi đưa đi xử lý tập trung.

- Rác thải được thu gom về các thùng đựng rác thích hợp tại các khu đất, từng khu dân cư, khu công viên cây xanh, sau đó sẽ thu gom rác thải và vận chuyển đến điểm ga rác thải, chuyển lên xe cơ giới đưa đến khu xử lý rác thải tập trung (nằm ngoài ranh giới).

- Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại tại nguồn thành 2 loại:

+ Chất thải rắn vô cơ gồm kim loại, giấy, bao bì thuỷ tinh v.v.. được định kì thu gom.

+ Chất thải rắn hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến ga rác thải, sau đó được đưa lên xe cơ giới đưa đi xử lý tập trung.

* Nghĩa trang:

- Khu vực không bố trí nghĩa trang, các nhu cầu chôn cất của nhân dân trong phạm vi khu quy hoạch quy tập về nghĩa trang nhân dân của xã (Nằm ngoài ranh giới quy hoạch).

- Khuyến khích vận động các hộ dân chuyển các khu mộ đã chôn cất đơn lẻ tập kết về khu nghĩa trang tập trung đảm bảo theo chỉ tiêu như sau: Mộ hung táng với diện tích 5m^2/ mộ; Mộ cát táng 3m^2/ mộ.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC.

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC.

Trong bước điều chỉnh quy hoạch chi tiết và dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Tổ chức bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các đơn vị liên quan; công bố công khai đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch;

- Xây dựng quy định quản lý quy hoạch; các cơ chế chính sách, kế hoạch thực hiện đầu tư; cắm mốc ranh giới theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để quản lý đất đai, thực hiện thu hồi đất, cấp phép xây dựng và thực hiện đầu tư dự án theo quy định hiện hành;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Chủ tịch UBND xã Lương Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Phòng: TCKH, KTHT, TNMT;
- Ban QLDA ĐTXD huyện;
- Trung tâm PTQĐ huyện
- UBND xã Lương Sơn;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN T. LÀO CAI

Tô Ngọc Liễn